

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ
Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án: Xây dựng, khớp nối đường giao thông khu chức năng đô thị Tây Tựu quận Bắc Từ Liêm
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND quận Bắc Từ Liêm)

I. HỌ VÀ TÊN NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, SỞ HỮU TÀI SẢN BỊ THU HỒI:

- Họ và tên người sử dụng đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):	Các đồng sử dụng và đồng thừa kế theo quy định pháp luật của ông Nguyễn Văn Quý
- Hộ khẩu thường trú:	Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm
- Họ và tên chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất (hoặc người được ủy quyền theo quy định pháp luật):	Các đồng sử dụng và đồng thừa kế theo quy định pháp luật của ông Nguyễn Văn Quý
- Hộ khẩu thường trú:	Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm
- Địa chỉ nơi thu hồi đất:	Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm
- Tổng số nhân khẩu hiện tại nơi thu hồi đất:	0 Khẩu (Trong đó: 00 khẩu đủ điều kiện hỗ trợ và 00 khẩu không đủ điều kiện hỗ trợ)
- Tổng diện tích đất đang sử dụng:	468,5 m ² ; + Diện tích đất trong chi giới thu hồi tại dự án: 84,5 m ² ; Trong đó: ++ Đất nông nghiệp được giao theo ND 64/CP : 84,5 m ² (chưa cấp GCN) ++ Đất nông nghiệp sử dụng trước 01/07/2004: 0,0 m ² ; + Diện tích đất ngoài chi giới thu hồi tại dự án: 384,0 m ² ;
- Tỷ lệ % diện tích đất nông nghiệp 64/CP bị thu hồi tại dự án trên tổng diện tích đất nông nghiệp được giao theo 64/CP:	18,00%

II. PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ:

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất.

STT	Loại đất bồi thường, hỗ trợ	Diện tích (m2)	Đơn giá (đồng/m2)	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	+ Đất nông nghiệp được giao theo Nghị định 64/CP.	84,5	201.600	100%	17.035.200	
Tổng tiền (A):					17.035.200	

2. Bồi thường, hỗ trợ về tài sản, công trình gắn liền với đất thu hồi:

- 2.1. Bồi thường đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 ND 43/2014/ND-CP: Không
- 2.2. Hỗ trợ đối với nhà, công trình xây dựng không hợp pháp theo quy định tại Điều 31, Điều 32 ND 43/2014/ND-CP: Không
- 2.3. Bồi thường, hỗ trợ về cây trồng, vật nuôi gắn liền với đất thu hồi.

STT	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Mật độ	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Hoa ly có hoa mật độ 26 cây/m2 trồng trên toàn bộ diện tích đất thu hồi	cây	1690	21.000	≤20 cây/m2	100%	35.490.000	
2	Hoa ly có hoa mật độ 26 cây/m2 trồng trên toàn bộ diện tích đất thu hồi	cây	507	21.000	≤20 cây/m2	50%	5.323.500	Hỗ trợ trồng vượt mật độ 30%
Tổng tiền (B):							40.813.500	

3. Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác

Các khoản bồi thường, hỗ trợ khác		Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Tỷ lệ BT, HTr (%)	Thành tiền (đ)	Ghi chú
STT	1	2	3	4	5	6 = 3x4x5	7
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp (bằng 5 lần giá đất nông nghiệp): 201.600đ/m2 * 5 lần = 1.008.000đ/m2.	m2	84,5	1.008.000	100%	85.176.000	
2	Hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất khi thu hồi đất nông nghiệp trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng (30kg x 12 tháng x 16.000đ/kg = 5.760.000đ/ khẩu nông nghiệp)	Khẩu	0,0	5.760.000	100%	0	Tỷ lệ thu hồi đất 18% < 30% không đủ điều kiện hỗ trợ
3	Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng 3.000đ/m2 nhưng tối đa không quá 3.000.000đ/chủ sử dụng đất	m2	84,5	3.000		0	Sẽ được phê duyệt sau khi người sử dụng đất đủ điều kiện nhận tiền và bàn giao diện tích đất thu hồi theo đúng thời hạn quy định.
Tổng tiền: (C)						85.176.000	

4. Các khoản khấu trừ nghĩa vụ tài chính về đất đai PHẢI NỘP (theo K1 Đ30 NB 47/2014/NB-CP) (nếu có): Không

5. Phương án tái định cư:

5.1. Phương án mua căn hộ chung cư tái định cư: Không

5.2. Phương án hỗ trợ tự lo tái định cư: Không

III. Tổng số tiền BT, HT và TĐC: (A)+(B)+(C)+

143.024.700 đồng

IV. Tổng các khoản khấu trừ phải nộp ngân sách:

0 đồng

V. Tổng tiền BT, HT và TĐC sau cân đối: (III)-(IV)

(- Nếu (V)>0 thì được nhận số tiền sau cân đối;

143.024.700 đồng

- Nếu (V)<0 thì phải nộp bổ sung số tiền sau cân đối)

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi ba triệu, không trăm hai mươi tư nghìn, bảy trăm đồng

Bắc Từ Liêm, ngày tháng năm 2024
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Ngọc Vân

Điều 9 ND 47/ND-CP Giá trị khấu hao

Giá trị xây mới	Năm xây c	2001	2020	19
	Hạn mức l	8		
#####	Giá trị hiện có	#####	Khoản 2 điều 12 QĐ 10/QĐ-UBND Không nhỏ hơn 60 và lớn hơn 100%	
Giá trị đền	#####	% lưu ý điều 14 -QĐ 10		

Thời gian khấu hao áp dụng theo điều 12 - 8 năm nhà tạm
20 năm nhà 1 tầng, mái tôn
30 năm nhà 1 tầng mái bê tông cốt thép

361,185 350,2

1.690,0 #REF!

507,0 #REF!

